TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2025/DS-ST
Ngày 17 – 6 – 2025
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út
*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp
Ông Phạm Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thông Hiểu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 909/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Minh T . Sinh năm: 1944.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Châu Hồng P.Sinh năm: 1967 (có mặt) (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2024).

Địa chỉ: Khu tập thể cơ khí, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Bà Phạm Thị T1 .Sinh năm: 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau .

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Quốc S. Sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Châu Hồng P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như

sau: Bà Hoàng Thị Minh T có tham gia chơi hụi do bà Phạm Thị T1 làm chủ, cụ thể:

-Dây hụi khui ngày 20/6/2018 (nhằm ngày 07/5/2018 âm lịch), hụi 500.000 đồng/tháng, gồm 30 phần, bà T tham gia 02 phần, đã hốt 01 phần. Đến ngày 20/10/2019 thì bà T1 ngưng hụi, tức là hụi khui đến kỳ thứ 17, hụi ngưng nhưng bà T1 không thông báo cho bà T biết mà bà T1 vẫn gom hụi bình thường, bà T vẫn đóng hụi. Như vậy, từ khi ngưng hụi bà T còn đóng tiếp cho bà T1 12 kỳ (từ kỳ thứ 18 là ngày 20/11/2019 đến kỳ thứ 29 là ngày 20/9/2020) tương đương với số tiền là 3.595.000 đồng. Do bản án số 872/2024/HS-PT ngày 20/9/2024 đã tuyên buộc bà T1 trả bà T số tiền của dây hụi này là 3.595.000 đồng nên bà T1 còn nợ lại số tiền là 10.500.000 đồng – 3.595.000 đồng = 6.905.000 đồng.

-Dây hụi khui ngày 20/6/2018 (nhằm ngày 07/5/2018 âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 30 phần, bà T tham gia 04 phần. Đến ngày 20/10/2019 thì bà T1 ngưng hụi, tức là hụi khui đến kỳ thứ 17, hụi ngưng nhưng bà T1 không thông báo cho bà T biết mà bà T1 vẫn gom hụi bình thường, bà T vẫn đóng hụi. Như vậy, từ khi ngưng hụi bà T còn đóng tiếp cho bà T1 09 kỳ của 04 chân hụi (từ kỳ thứ 18 là ngày 20/11/2019 đến kỳ thứ 29 là ngày 20/9/2020) tương đương với số tiền là 22.860.000 đồng. Do bản án số 872/2024/HS-PT ngày 20/9/2024 đã tuyên buộc bà T1 trả bà T số tiền của dây hụi này là 22.860.000 đồng. Trong quá trình điều tra bà T1 đã trả 23.000.000 đồng nên bà T1 còn nợ lại số tiền là 68.020.000 đồng – 23.000.000 đồng = 45.020.000 đồng.

-Dây hụi khui ngày 20/6/2019 (nhằm ngày 18/5/2019 âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 30 phần, bà T tham gia 02 phần. Đến ngày 20/10/2019 thì bà T1 ngưng hụi, tức là hụi khui đến kỳ thứ 08, hụi ngưng nhưng bà T1 không thông báo cho bà T biết mà bà T1 vẫn gom hụi bình thường, bà T vẫn đóng hụi. Như vậy, từ khi ngưng hụi bà T còn đóng tiếp cho bà T1 06 kỳ của 02 chân hụi (từ kỳ thứ 09 là ngày 20/3/2020 đến kỳ thứ 14 là ngày 20/9/2020) tương đương với số tiền là 7.360.000 đồng. Do bản án số 872/2024/HS-PT ngày 20/9/2024 đã tuyên buộc bà T1 trả bà T số tiền của dây hụi này là 7.360.000 đồng nên bà T1 còn nợ lại số tiền là 18.440.000 đồng – 7.360.000 đồng = 11.080.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà P xác định bà thống nhất theo cách tính hụi bằng cách thức như sau:

-Dây hụi khui ngày 20/6/2018 (nhằm ngày 07/5/2018 âm lịch), hụi 500.000 đồng/tháng, bà T đóng được tổng cộng 29 kỳ, mỗi kỳ đóng 300.000 đồng x 29 kỳ bằng số tiền 8.700.000 đồng, đối trừ số tiền bà T1 đã trả là 3.595.000 đồng = 5.105.000 đồng.

-Dây hụi khui ngày 20/6/2018 (nhằm ngày 07/5/2018 âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, bà T đóng được tổng cộng 26 kỳ, mỗi kỳ đóng 635.000 đồng, 635.000 đồng x 26 kỳ bằng số tiền 16.510.000 đồng x với 04 phần bằng số tiền 66.040.000 đồng, đối trừ số tiền bà T1 đã trả là 23.000.000 đồng = 43.040.000 đồng.

-Dây hụi khui ngày 20/6/2019 (nhằm ngày 18/5/2019 âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, bà T đóng được tổng cộng 14 kỳ, mỗi kỳ đóng 613.000 đồng x 14 kỳ bằng số tiền 8.587 đồng x với 02 phần bằng số tiền 17.173.000 đồng, đối trừ số tiền bà T1 đã trả là 7.360.000 đồng = 9.813.000 đồng.

Như vậy, tổng 03 dây hụi bà T1 còn nợ bà T số tiền 5.105.000 đồng + 43.040.000 đồng + 9.813.000 đồng = 57.958.000 đồng. Trong quá trình tham gia chơi hụi ông Phạm Quốc S1 là chồng bà T1 cũng biết và có đến thu tiền hụi. Nay bà T yêu cầu bà T1 và ông S1 cùng có trách nhiệm trả số tiền trên.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 21/5/2025 bà Phạm Thị T1 trình bày: vào năm 2018 bà có tham gia làm đầu thảo hụi tháng và hụi ngày. Bà Hoàng Thị Minh T có tham gia, cụ thể:

-Dây hụi mở ngày 20/6/2018 (ngày 7/5/2018 al), loại hụi 500.000 đồng/tháng. Bà T tham gia 02 phần, đã hốt 01 phần, hụi có 30 phần. Đến khoảng ngày 20/10/2019 dương lịch thì bà ngưng hụi. Nếu tính đến hụi mãn thì bà T còn phải đóng cho bà số tiền 4.500.000 đồng nhưng bà T chưa đóng số tiền này.

- Dây hụi mở ngày 20/6/2018 (ngày 7/5/2018 al), loại hụi 1.000.000 đồng/tháng. Bà T tham gia bao nhiêu phần bà không nhớ rõ. Đối với dây hụi này bà đã trả cho bà T số tiền 23.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 20/6/2019 (ngày 18/5/2019 al), loại hụi 1.000.000 đồng/tháng. Bà T tham gia 02 phần.

Nay bà đồng ý trả cho bà T số tiền hụi còn nợ nhưng theo cách tính bà T đã đóng bao nhiêu thì bà đồng ý trả lại bấy nhiêu trừ đi số tiền bà đã trả cho bà T chứ không tính theo hụi mãn.

Bà xác định quá trình tham gia chơi hụi với bà T chồng bà là ông Tạ Quốc S không biết nên bà không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc buộc ông S cùng có trách nhiệm thanh toán nợ với bà. Do bà đang chấp hành án nên bà xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Đối với ông Tạ Quốc S mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng tại phiên tòa xét xử ông S vẫn vắng mặt không rõ lý do và không gởi văn bản ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40; Điều 222 đến Điều 225, 234, 237, 239, 243, 247, 249 đến 252, 260, 261, 262, 264 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn buộc bà T1 và ông S cùng có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 57.958.000 đồng. Án phí đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Phạm Thị T1 và ông Tạ Quốc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng tại phiên tòa xét xử ông S vẫn vắng mặt không có lý do, bà T1 xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi 57.958.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch hụi, cụ thể: Dây hụi khui ngày 20/6/2018 (nhằm ngày 07/5/2018 âm lịch), hụi 500.000 đồng/tháng, gồm 30 phần, bà T tham gia 02 phần, đã hốt 01 phần; Dây hụi khui ngày 20/6/2018 (nhằm ngày 06/4/2018 âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 30 phần, bà T tham gia 04 phần; Dây hụi khui ngày 20/6/2019 (nhằm ngày 18/5/2019 âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 30 phần, bà T tham gia 02 phần là thực tế có xảy ra, được các bên thừa nhận.

Tại bản án số 872/2024/HS-PT ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định đối với các dây hụi trên bà T1 ngưng hụi vào ngày 20/10/2019 nhưng bà T1 không thông báo cho bà T nên bà T vẫn tiếp tục đóng hụi cho bà T1, cụ thể:

-Đối với dây hụi khui ngày 20/6/2018, loại hụi 500.000 đồng/tháng, bà T tham gia 02 phần, đã hốt 01 phần, đã đóng được 17 kỳ, đến ngày 20/10/2019 bà T1 ngưng hụi nhưng không thông báo mà vẫn tiếp tục thu hụi từ bà T thêm 12 kỳ tương đương với số tiền là 3.595.000 đồng, tổng cộng bà T đã đóng 29 kỳ tương đương với số tiền 8.700.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền bà T1 đã trả còn lại số tiền 5.105.000 đồng.

-Đối với dây hụi khui ngày 20/6/2018, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, bà T tham gia 04 phần, đã đóng được 17 kỳ, đến ngày 20/10/2019 bà T1 ngưng hụi nhưng không thông báo mà vẫn tiếp tục thu hụi từ bà T thêm 09 kỳ, 09 kỳ của 04 phần tương đương với số tiền là 22.860.000 đồng, tổng cộng bà T đã đóng 26 kỳ tương đương với số tiền 66.040.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền bà T1 đã trả còn lại số tiền 43.040.000 đồng.

-Đối với dây hụi khui ngày 20/6/2019, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, bà T tham gia 02 phần, đã đóng được 08 kỳ, đến ngày 20/10/2019 bà T1 ngưng hụi nhưng không thông báo mà vẫn tiếp tục thu hụi từ bà T thêm 06 kỳ, 06 kỳ của

02 phần tương đương với số tiền là 7.360.000 đồng, tổng cộng bà T đã đóng 14 kỳ tương đương với số tiền 17.173.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền bà T1 đã trả còn lại số tiền 9.813.000 đồng.

Nhận thấy, tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hụi còn nợ là 63.005.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định mỗi tháng khui hụi đóng số tiền khác nhau nguyên đơn không nhớ rõ nhưng nay nguyên đơn thống nhất theo cách tính đối với dây hụi 500.000 đồng mỗi tháng bà T đóng hụi cho bà T1 là 300.000 đồng, đối với dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 20/6/2018 mỗi tháng bà T đóng 635.000 đồng, đối với dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 20/6/2019 mỗi tháng bà T đóng 613.000 đồng nên nay chỉ yêu cầu bà T1 và ông S trả số tiền là 57.958.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Từ các nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T1 trả cho bà T số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 57.958.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Tạ Quốc S cùng có trách nhiệm thanh toán nợ với bà T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giao dịch hụi giữa các đương sự xảy ra từ năm 2018 đến thời điểm bà T1 ngưng hụi thì bà T1 và ông S vẫn còn tồn tại mỗi quan hệ hôn nhân. Xét thấy, theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình quy định nợ chung trong thời kỳ hôn nhân là: "*Khoản nợ phát sinh từ giao dịch do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình"*. Qua đó, nhận thấy đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông S và bà T1, việc tham gia hụi và tiền hoa hồng thu được từ các dây hụi của bà T1 cũng nhằm mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình. Bà T1 cho rằng ông S không biết việc bà T tham gia chơi hụi do bà T1 làm chủ nên không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn buộc ông S cùng có trách nhiệm thanh toán nợ là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa yêu cầu ông S cùng có trách nhiệm trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

Từ đó, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên buộc ông S cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cùng với bà T1 là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được miễn nộp theo quy định. Ông S và bà T1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Minh T

Buộc ông Tạ Quốc S và bà Phạm Thị Thanh T2 cho bà Hoàng Thị Minh T số tiền 57.958.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Án phí dân sự có giá ngạch: Ông Tạ Quốc S và bà Phạm Thị T1 phải chịu án phí 2.898.000 đồng. Bà Hoàng Thị Minh T không phải chịu án phí, đã được miễn dự nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Út